

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-10-2020

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Triệu Khánh Long

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2020, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Trán H, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 214/55 đường Hàn Hải Nguyên, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Lê Ngọc G, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 10, đường Lê Lai, Khóm C, Phường D, thị xã E, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Trán H trình bày: Vào năm 2014, anh H và chị Lê Ngọc G được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/10/2014. Sau khi kết hôn, chị G về chung sống với anh H được 07 ngày thì chị G đã bỏ đi về nhà cha mẹ của chị G từ đó cho đến nay. Anh H đã nhiều lần liên lạc với chị G và gia đình của chị G nhưng không được.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ không thể hàn gắn được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị G; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị G, nhưng chị G không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H, đồng thời chị G cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn chị Lê Ngọc G, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị G vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn với chị Lê Ngọc G vì trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét, anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trần Trần H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị Lê Ngọc G. Yêu cầu của anh H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Lê Ngọc G đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình và nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, cũng như việc không phản đối của chị G; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh H về việc kết hôn với chị G được Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2014 là sự thật. Vì vậy, giữa anh H và chị G đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh H và chị G đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014. Từ đó cho đến nay, vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, anh H và chị G đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị G.

[3] Về con chung: Anh H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Anh Trần Trần H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Trần H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trần H được ly hôn với chị Lê Ngọc G.

- Về con chung: Anh H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Trần H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí anh Hải đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0003991, ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Chị Lê Ngọc G không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- UBND Phường A, quận B, thành phố Hồ

Chí Minh;

- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Thanh

